TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH LÂM ĐỒNG	
Bản án số**: 98**/2017/HNGĐ-ST	
Ngày: 26/9/2017	
V/v tranh chấp xin ly hôn	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Văn Điền

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Vàng Huy Lập

+ Bà Trần Thị Ngọc Kim

- *Thư ký phiên toà:* Ông Trần Thanh Tài - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Thanh Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 428/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp: *"Xin ly hôn"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ôn Duy H, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Đường K, Phường K, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh Lê L, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Đường K, Phường K, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Chỗ ở: Đường L, Phường K, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn chị Ôn Duy H trình bày thì:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ôn Duy H với anh Lê L kết hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, thành Phố Đà, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại đường K, Phường K, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng được một thời gian, sau đó vợ chồng chuyển đến sống tại đường L, Phường K, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (không đăng ký tạm trú tạm vắng). Cuộc sống chung hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cải vã, anh L gia trưởng, thường xuyên say xỉn, cờ bạc và có người phụ nữ khác bên ngoài. Hiện vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa, chị H đã về nhà bố mẹ ruột để sinh sống. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin Tòa giải quyết được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Anh K, sinh ngày 12/01/2000 hiện đang ở với ba và Lê Thùy D, sinh ngày 25/6/2006 hiện đang ở với mẹ. Ly hôn chị H yêu cầu được nuôi cháu D, còn cháu K thì ở với ba. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và chị H cũng không cấp dưỡng nuôi cháu K.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu tòa giải quyết.

Về nợ chung: Chị H xác định không có.

Theo bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ bị đơn anh Lê L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh Lê L với chị H như chị H trình bày về việc kết hôn là đúng, vợ chồng sau khi kết hôn sống tại đường K, Phường K, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng được một thời gian, sau đó vợ chồng chuyển đến sống tại đường L, Phường K, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (không đăng ký tạm trú tạm vắng). Cuộc sống chung hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do kinh tế gia đình, trong công việc, vợ chồng không có sự đồng nhất trong mọi công việc. Nay anh L xách định vẫn còn yêu thương vợ nên mong muốn đoàn tụ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Anh K, sinh ngày 12/01/2000 hiện đang ở với anh L và Lê Thùy D, sinh ngày 25/6/2006 hiện đang ở với chị H. Ly hôn anh L mong muốn được nuôi hai con không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh L không yêu cầu tòa giải quyết .

Về nợ chung: anh L xác định không có.

Tại phiên tòa hôm nay chị H giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn anh L và yêu cầu được nuôi cháu Lê Thùy D, anh L nuôi cháu Lê Anh K, không cấp dưỡng nuôi con chung, anh Lê L mong muốn được đoàn tụ và ly hôn anh muốn nuôi hai con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán từ khi nhận đơn đến lúc đưa vụ án ra xét xử, xác định tư cách tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tụng cho đương sự cũng như chứng cứ của vụ án, việc hòa giải đều đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định.

Quan hệ hôn nhân; Giữa chị ôn Duy H và anh Lê L là hợp pháp. Cuộc sống vợ hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được. Lời khai của các đương sự tại tòa thể hiện tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mâu thuẫn đã trầm trọng và qua biên bản xác minh thể hiện vợ chồng thường xuyên cải vã, khu phố đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vì vậy chấp nhận cho chị Ôn Duy H ly hôn anh Lê L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Anh K, sinh ngày 12/01/2000 hiện đang ở với ba và Lê Thùy D, sinh ngày 25/6/2006 hiện đang ở với mẹ. Tại biên bản tự khai cháu D mong muốn ở với mẹ nên tiếp tục giao cháu D cho chị Hiền nuôi dưỡng, cháu K mong muốn ở với ba nên giao cháu K cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu tòa giải quyết và nợ chung hai bên xác định không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét quan hệ hôn nhân giữa: Giữa chị Ôn Duy H và anh Lê L là hợp pháp, hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn, có tổ chức lễ cưới. Vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế trong gia đình, vợ chồng không thống nhất trong mọi công việc, anh L ham chơi cờ bạc, nhậu nhẹt, say xỉn có người phụ nữ khác bên ngoài, sống gia trưởng với vợ con, không chăm lo cho gia đình con cái, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có hạnh phúc. Chị H đã gửi đơn đến tòa xin hôn, sau đó đã rút đơn để cho anh L có cơ hội sữa chữa lỗi lầm nhưng không có kết quả. Hiện vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Tại phiên hòa giải cũng như bản tự khai của anh L, anh L mong muốn đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con cái nhưng bản thân anh L không có biện pháp khắc phục sửa chữa lỗi lầm của minh, anh L cũng thừa nhận vợ chồng hay cải nhau về kinh tế gia đình, bất đồng trong mọi công việc, gia đình hai bên cũng đã khuyên bảo, vợ chồng đã ngồi lại nói chuyện với nhau để tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả.

Trong quá trình tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đã tạo điều kiện, động viên các bên bỏ qua cho nhau những lỗi lầm để hàn gắn hạnh phúc gia đình nuôi dạy con cái nhưng cũng không có kết quả. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H, anh L là có xảy ra nguyên nhân là do anh L không lo gia đình, vợ con, sống gia trưởng, chị H đã khuyên bảo nhiều lần và cũng đã cho anh L nhiều cơ hội để hàn gắn nhưng anh L vẫn không thay đổi, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa, anh L mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua xác minh tại nơi khu phố cũng xác định vợ chồng chị H, anh L có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L thường xuyên ghen tuông vô cớ, vợ chồng thường xuyên cải nhau, khu phố đã đứng ra hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H, anh L đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên căn cứ vào điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Anh K, sinh ngày 12/01/2000 và Lê Thùy D, sinh này 25/6/2006. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân cháu D ở với chị H, cháu K ở với anh L. Để đảm bảo quyền lợi cho trẻ em vị thành niên và tại biên bản

lấy lời khai của hai cháu thì thì cháu D mong muốn ở với mẹ, cháu K mong muốn ở với ba. Vì vậy tiếp tục giao cháu Lê Thùy D, sinh ngày 25/6/2006 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Anh K, sinh ngày 12/01/2000 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác định không có nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1- Chấp nhận yêu cầu của chị Ôn Duy H xin ly hôn Lê L.

Cho chị Ôn Duy H ly hôn anh Lê L

2 *- Về con chung:*

Giao con chung là cháu Lê Anh K, sinh ngày 12/01/2000 cho anh Lê L, giao cháu Lê Thùy D, sinh ngày 25/6/2006 cho chị Ôn Duy H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến ngày con chung trưởng thành. Không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền thăm nom, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo luật Hôn nhân và gia đình.

3 *- Về án phí:* Chị Ôn Duy H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm (được trừ vào số tiền 300.000đ chị H đã tạm nộp theo biên lai thu số AA/2016/0001577 ngày 07/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đ;
- Chi cục THA thành phố Đ;
- UBND, Phường K, thành phố Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký tên và đóng dấu

Trần Văn Điền

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**
Trần Thị Ngọc Kim – Vàng Huy Lập	**Trần Văn Điền**